

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2023/HNGĐ – ST**

Ngày: 15/6/2023

"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ ông Phạm Thành Đô;

2/ bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2023/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* anh Lâm Văn Đ, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: thôn 2, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* chị Liễu Thị Đ, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: thôn 2, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lâm Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Liễu Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp

luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra những bất đồng về quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, khiến vợ chồng gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống và làm ăn phát triển kinh tế. Sau đó, chị Liễu Thị Đ và anh sống ly thân với nhau 01 năm. Nay vợ chồng tình cảm không còn, anh không muốn tiếp tục chung sống với chị Liễu Thị Đ nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Liễu Thị Đ.

Về con chung: anh và chị Liễu Thị Đ có hai con chung tên là Lâm Hồng Ng, sinh năm: 1995 và Lâm Văn K, sinh năm: 1998. Hai con đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Bị đơn chị Liễu Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án chị Liễu Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị nhất trí với lời khai của anh Lâm Văn Đ về thời gian chung sống và việc không có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu giữa vợ chồng không có việc gì xảy ra. Thời gian chục năm lại đây thì anh Lâm Văn Đ có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng xích mích, mâu thuẫn. Bản thân anh Lâm Văn Đ làm sai nhưng không chịu nhận sai và hối cải. Đến năm 2021 thì chị đi làm ăn xa và đôi bên không liên lạc với nhau. Khi chị quay về thì anh Lâm Văn Đ không chấp nhận. Nay anh Lâm Văn Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, chị đồng ý.

Về con chung: chị nhất trí với lời khai của anh Lâm Văn Đ về con chung. Hiện nay, hai con đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: chị và anh Lâm Văn Đ có tài sản chung gồm: Diện tích đất 1,8 ha tại thôn 2, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất trồng cây điều xen sầu riêng. Diện tích đất đã được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên Liễu Thị Đ và Lâm Văn Đ. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho chị ½ tài sản này.

Diện tích đất 04 sào tại thôn 2, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất có 01 căn nhà, có trồng cây điều và cây cà phê. Diện tích đất đã được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên Lâm Hùng Ng. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho chị ½ tài sản này.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lâm Văn Đ. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Lâm Văn Đ và chị Liễu Thị Đ.

Về con chung: anh Lâm Văn Đ và chị Liễu Thị Đ có hai con chung tên là Lâm Hồng Ng, sinh năm: 1995 và Lâm Văn K, sinh năm: 1998. Hai con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lâm Văn Đ (là nguyên đơn) và chị Liễu Thị Đ (là bị đơn) vắng mặt và có đơn giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lâm Văn Đ và chị Liễu Thị Đ.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Lâm Văn Đ khai nhận anh chị tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Liễu Thị Đ thừa nhận lời khai của anh Lâm Văn Đ. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy, lời khai của anh Lâm Văn Đ về việc có các bên không có đăng ký kết hôn là có thật. Tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*". Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Văn Đ và chị Liễu Thị Đ không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn anh Lâm Văn Đ: theo lời khai của anh Lâm Văn Đ và chị Liễu Thị Đ đều thừa nhận quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Nay anh Lâm Văn Đ không

thể tiếp tục chung sống và yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Chị Liễu Thị Đ đồng ý với yêu cầu của anh Lâm Văn Đ. Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này”*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Văn Đ về quan hệ hôn nhân.

[4] Về con chung: anh Lâm Văn Đ và chị Liễu Thị Đ khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Lâm Hồng Ng, sinh năm: 1995 và Lâm Văn K, sinh năm: 1998. Lời khai của anh Lâm Văn Đ và chị Liễu Thị Đ phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Anh Lâm Văn Đ, chị Liễu Thị Đ đều xác nhận Lâm Hồng Ng và Lâm Văn K đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Liễu Thị Đ yêu cầu giải quyết về tài sản (bút lục số 22). Ngày 04/5/2023, Tòa án đã ban hành Thông báo về việc nộp đơn phản tố và đã giao Thông báo cho chị Liễu Thị Đ. Tuy nhiên, chị Liễu Thị Đ không thực hiện theo nội dung Thông báo và tại bản tự khai ngày 09/5/2023 chị Liễu Thị Đ ghi nhận về tài sản các bên tự thỏa thuận, chị không nộp đơn phản tố coi như tự từ bỏ yêu cầu. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, không có ai yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung.

[6] Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn anh Lâm Văn Đ phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Văn Đ. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Liễu Thị Đ và anh Lâm Văn Đ.

2. Về con chung: Anh Lâm Văn Đ và chị Liễu Thị Đ có 02 con chung tên là Lâm Hồng Ng, sinh năm: 1995 và Lâm Văn K, sinh năm: 1998. Hai con đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: nguyên đơn anh Lâm Văn Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000961 ký ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh